

Số: 25/2026/QĐST-DS

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 16/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Công ty cổ phần M1; Địa chỉ: A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Huy M – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ. Người được uỷ quyền lại: Ông Đỗ Văn Đ; Địa chỉ: A P, phường T, Đà Nẵng.

+ Ngân hàng TMCP V (); Địa chỉ: H L, phường Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Như G – Chức vụ: Trưởng phòng XLN. Người được uỷ quyền lại: Ông Trần Đình L; Địa chỉ: Tầng E, số A P, phường H, TP Đà Nẵng.

- Bị đơn:

+ Bà Nguyễn Thị N; sinh năm: 1980, trú tại: thôn D, xã P, thành phố Đà Nẵng. Căn cước số 036180020232 do Cục trưởng Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/8/2021.

+ Ông Cao Xuân K; sinh năm 1974; trú tại: thôn D, xã P, thành phố Đà Nẵng. Căn cước số 038074028240 do Cục trưởng Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/8/2021.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Cao Xuân K: Bà Nguyễn Thị N; sinh năm: 1980, trú tại: thôn D, xã P, TP Đà Nẵng. Căn cước số 036180020232 do Cục trưởng Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/8/2021.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị N và ông Cao Xuân K thống nhất trả số tiền vay gốc và lãi tạm tính đến ngày 09/4/2026 cho Ngân hàng V Thịnh Vượng và Công ty CP M1 là **1.928.753.514 đồng** (*Một tỷ chín trăm hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn năm trăm mười bốn đồng*); Trong đó: nợ gốc là 1.697.911.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm chín mươi bảy triệu chín trăm mười một nghìn đồng*), nợ lãi và phạt chậm trả lãi là 230.842.514 đồng (*Hai trăm ba mươi triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm mười bốn đồng*). Trong đó:

Bà Nguyễn Thị N và ông Cao Xuân K trả số tiền vay gốc và lãi cho J tạm tính đến ngày 09/4/2026 là: **1.823.147.670 đồng** (*Một tỷ tám trăm hai mươi ba triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi đồng*); Trong đó: nợ gốc là 1.613.015.450 đồng (*Một tỷ sáu trăm mười ba triệu không trăm mười lăm nghìn bốn trăm năm mươi đồng*); nợ lãi và phạt chậm trả lãi là 210.132.220 đồng (*Hai trăm mười triệu một trăm ba mươi hai nghìn hai trăm hai mươi đồng*).

Bà Nguyễn Thị N và ông Cao Xuân K trả số tiền vay gốc và lãi cho tạm tính đến ngày 09/4/2026 là: **105.605.844 đồng** (*Một trăm linh năm triệu sáu trăm linh năm nghìn tám trăm bốn mươi bốn đồng*); Trong đó: nợ gốc là 84.895.550 đồng (*Tám mươi bốn triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi đồng*); nợ lãi và phạt chậm trả lãi là 20.710.294 đồng (*Hai mươi triệu bảy trăm mười nghìn hai trăm chín mươi bốn đồng*).

- Thời gian trả toàn bộ số tiền trên là trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 09/4/2026.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày 09/4/2026 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị N và ông Cao Xuân K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số LN2310120546804 ngày 30/10/2023 và hợp đồng cho vay số LN2409113710111 ký ngày 20/09/2024 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Trường hợp trong các hợp đồng trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị N và ông Cao Xuân K phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V và Công ty CP M1 theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Trường hợp bà Nguyễn Thị N và ông Cao Xuân K không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ số tiền nợ nêu trên theo thời gian đã thỏa thuận thì Công ty CP M1 và Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số

LN2303078556885/HĐC ngày 08/3/2023 đề thu hồi toàn bộ khoản nợ, cụ thể như sau: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: 4, xã P, huyện P, tỉnh Quảng Nam (nay là xã P, thành phố Đà Nẵng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 381797, vào sổ cấp GCN số CH 00001, do UBND huyện P, tỉnh Quảng Nam (cũ) cấp ngày 04/02/2015, cập nhật thay đổi pháp lý cho người sử dụng đất ngày 05/01/2022, thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị N và ông Cao Xuân K.

- Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản thế chấp sẽ được thanh toán cho Công ty CP M1 và Ngân hàng V theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà Nguyễn Thị N và ông Cao Xuân K có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Công ty CP M1 và Ngân hàng V cho đến khi trả hết các khoản nợ, nếu thừa trả lại cho chủ tài sản.

- Chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị N và ông Cao Xuân K thống nhất chịu toàn bộ số tiền là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Công ty CP M1 và Ngân hàng V đã tạm nộp số tiền trên nên bà N, ông K có nghĩa vụ trả lại cho Công ty CP M1 và Ngân hàng V số tiền 5.000.000 đồng. Thời hạn trả khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm là: 34.931.300 đồng (*Ba mươi bốn triệu chín trăm ba mươi một nghìn ba trăm đồng*) bà Nguyễn Thị N và ông Cao Xuân K thống nhất chịu toàn bộ. Hoàn trả cho Công ty CP M1 và Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 33.833.000 đồng (*Ba mươi ba triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001706 ngày 02/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 9 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 9 - Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Tam